



QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: nguyên tắc, căn cứ xét thi đua, khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; tuyến trình khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; tổ chức trao thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương), gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

b) Khen thưởng phải đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất; chú trọng khen thưởng tập thể, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và

cá nhân có nhiều sáng kiến trong lao động, công tác; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

c) Bảo đảm bình đẳng giới trong khen thưởng.

Điều 4. Căn cứ xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải trên cơ sở cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

a) Đối với cá nhân là Thủ trưởng (Giám đốc) các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội quần chúng cấp tỉnh; Bí thư huyện ủy (thị ủy, thành ủy), Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc (Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị) các doanh nghiệp chỉ trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm trình khen thưởng phải đạt được các danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên.

b) Các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội quần chúng cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các doanh nghiệp: Không xem xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc, trực thuộc nếu tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương đó không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và không đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trở lên khi tập thể cơ quan, đơn vị, địa phương do cá nhân đó lãnh đạo trong năm đề nghị khen thưởng không đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (trừ trường hợp cơ quan, đơn vị đó không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”).

c) Đối với cấp phó người đứng đầu được ủy quyền phụ trách (điều hành) khi người đứng đầu bị ốm, đi học hoặc vì lý do khác được cấp có thẩm quyền đồng ý nghỉ làm việc từ 6 tháng trở lên trong năm thực hiện nguyên tắc khen thưởng như người đứng đầu được quy định tại Điểm a, b thuộc khoản này.

3. Căn cứ kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm và kết quả xếp loại tổ chức Đảng của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương xét đề nghị khen thưởng (Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) đối với các tập thể thuộc, trực thuộc; cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc tổ chức Đảng xếp mức không hoàn thành nhiệm vụ: Không xét, đề nghị khen thưởng cho tất cả các tập thể thuộc, trực thuộc và cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hoàn thành nhiệm vụ hoặc tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành nhiệm vụ: xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 20% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 02% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành tốt nhiệm vụ: xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 50% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 05% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành tốt nhiệm vụ: xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 80% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 08% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tổ chức Đảng xếp mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: không hạn chế tỷ lệ xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho các tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Các cơ quan, đơn vị không thuộc diện được đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hoặc không có tổ chức Đảng thì xét, đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc không quá 40% tổng số tập thể thuộc, trực thuộc được tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho không quá 04% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

g) Ngoài quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào vị trí xếp loại thi đua từ 1 đến 4 ở mỗi cụm thi đua (không xếp đồng vị thứ 4, sau 3 tập thể) của các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội quần chúng cấp tỉnh đối với các phòng, ban chuyên môn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội quần chúng cấp huyện để xét, đề nghị tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

4. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ cao hơn để xét khen thưởng.

5. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Đối với khen thưởng (Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) trong sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề hoặc sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thì phải có văn bản thống nhất chủ trương khen thưởng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi thực hiện. Không thực hiện khen thưởng khi sơ kết, tổng kết luật, pháp lệnh, nghị định.

Đối tượng khen thưởng là các tập thể nhỏ, các tập thể thuộc, trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương; cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua; trường hợp đặc biệt phải được sự thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Số lượng khen thưởng tối đa không quá 05 tập thể, 10 cá nhân đối với tổng kết và không quá 03 tập thể, 05 cá nhân đối với sơ kết. Đối với các phong trào thi đua có hướng dẫn khen thưởng của trung ương và 04 phong trào thi đua yêu nước trọng tâm do Thủ tướng Chính phủ phát động thực hiện theo quy định, hướng dẫn riêng.

7. Căn cứ thành tích đạt được của tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh) trong các phong trào thi đua yêu nước hằng năm trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Bằng khen với số lượng tối đa không quá 03 tập thể và 05 cá nhân. Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh có thành tích xuất sắc trong công tác khi kết thúc nhiệm kỳ, căn cứ thành tích đạt được, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Bằng khen với số lượng tối đa không quá 05 cá nhân.

8. Đối với khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước

Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, cụ thể:

a) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến).

b) Các tập thể, cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động các hạng (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) thì sau 02 năm nếu đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định mới tiếp tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (trừ các danh hiệu, hình thức khen thưởng hàng năm theo cụm, khối thi đua và khen thưởng chuyên đề, đợt xuất).

c) Trong 01 năm, một tập thể hoặc cá nhân chỉ được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng không quá 02 Bằng khen (bao gồm khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khen thưởng theo đợt, chuyên đề); trừ khen thưởng đợt xuất.

9. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước; kết quả khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

10. Việc xét khen thưởng phải được thực hiện qua bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu để tổng hợp.

Trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên; các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên.

11. Không xét, đề nghị khen thưởng đối với tập thể thuộc đối tượng tham gia vào các cụm, khối thi đua nhưng không tham gia. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các cụm, khối thi đua nhưng không ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn hoạt động, không xếp rõ vị thứ thi đua đối với các đơn vị trong từng cụm, khối thì không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể trong cụm, khối thi đua.

12. Tập thể, cá nhân đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng nhưng không được khen thưởng do khống chế bởi số lượng khen thưởng thì được ưu tiên khi xét khen thưởng ở năm tiếp theo liền kề nếu tiếp tục đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn để khen thưởng theo quy định.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 5. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

Việc bình xét các danh hiệu thi đua của cá nhân phải có sự đánh giá, so sánh cụ thể giữa các lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương; giữa lãnh đạo cấp phòng và tương đương; giữa chuyên viên, nhân viên (cụ thể do cơ quan, đơn vị, địa phương quy định).

b) Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đợt xuất, cấp bách của cơ quan, đơn vị, địa phương. Cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ phát động thi đua theo đợt (chuyên đề) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ để theo dõi).

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức, triển khai các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý với các nội dung sau:

a) Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

b) Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

c) Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đây mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phát động, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

3. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Xét tặng cho cá nhân đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 24, Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 10, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó: Công chức, viên chức, người lao động trực tiếp (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) chiếm từ 50% trở lên.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Xét tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

a) Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, bao gồm các tập thể:

Đối với cấp tỉnh: xét tặng cho các phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc, trực thuộc Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội cấp tỉnh và tương đương; các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội cấp tỉnh và tương đương; các đơn vị trực thuộc chi cục và tương đương (Hạt, đội, trạm, trung tâm và tổ chức tương đương, có tư cách pháp nhân).

Đối với cấp huyện: xét tặng cho các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội cấp huyện; tập thể cán bộ, công chức xã (phường, thị trấn); các phòng và tương đương thuộc, trực thuộc đơn vị sự nghiệp cấp huyện và tương đương (các phòng Nghiệp vụ, Phòng Tổ chức - Hành chính, Văn phòng thuộc Trung tâm).

Đối với đơn vị sự nghiệp: xét tặng cho trường học (trừ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý), bệnh viện và tương đương; các đơn vị thuộc, trực thuộc như khoa, phòng.

Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Xét tặng cho các doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép kinh doanh (trừ các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hóa,

tham gia vào các Khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức), hợp tác xã và các đơn vị thuộc, trực thuộc doanh nghiệp như chi nhánh, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội sản xuất.

Tổ chức vừa được sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc tổ chức lại theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được xét tặng (theo nội dung đã đăng ký trước khi sáp nhập); không xét tặng cho tổ chức thành lập mới có thời gian hoạt động dưới 01 năm (dưới 12 tháng).

b) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 28, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là các tập thể theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều này; trừ các tập thể sau: Các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, Ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội cấp tỉnh và tương đương; các phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp cấp huyện và tương đương.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể tiêu biểu trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 27, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

7. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

a) “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức.

b) Tập thể được xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, cụ thể:

Đối với tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức: Phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (nếu thuộc đối tượng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại); các trường hợp còn lại giao Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, đánh giá.

Đối với tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: phải được tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh, dẫn đầu các cụm, khối thi đua; có phong trào thi đua phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực có liên quan; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập.

Tổ chức Đảng, đoàn thể (nếu có) phải được đánh giá, phân loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; cơ quan được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa (nếu thuộc đối tượng được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa).

8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 8. Hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng

1. Các loại hình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Giấy khen

Xét tặng cho tập thể, cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 74, 75 và 76, Luật Thi đua, khen thưởng và Khoản 1, Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết (từ 02 năm trở lên) kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước hàng năm, được bình xét, suy tôn trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức. Trong đó, tổ chức Đảng, đoàn thể (nếu có) hoặc tập thể thuộc đối tượng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại thì tất cả phải được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Số lượng tập thể được xét, đề nghị khen thưởng không quá 50% tổng số tập thể trong mỗi cụm, khối thi đua; tỷ lệ này bao gồm cả tập thể được xét, đề nghị Cờ thi đua của

Chính phủ (nếu thuộc đối tượng được đăng ký Cờ thi đua của Chính phủ) và Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết (từ 02 năm trở lên) kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Có 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên thì phải được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng, noi gương học tập trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công nhân có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có từ 01 sáng kiến trở lên được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở công nhận, áp dụng mang lại hiệu quả cho đơn vị và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất trong các lĩnh vực, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh. Thời điểm thực hiện việc khen thưởng là trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập được thành tích đột xuất, quá thời gian trên không thực hiện việc khen thưởng.

đ) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh, ở nước ngoài, người nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Quảng Nam trên các lĩnh vực.

Trường hợp có nhiều đóng góp trong hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện (đối với doanh nghiệp và các thành phần kinh tế phải có đóng góp với giá trị từ 500 triệu đồng trở lên; thời gian tính tổng giá trị đóng góp để xem xét, đề nghị khen thưởng là trong thời gian 01 năm tính đến thời điểm cơ quan, đơn vị, địa phương ký ban hành tờ trình đề nghị khen thưởng); tích cực tham gia và có nhiều đóng góp cho sự thành công của các hoạt động, các sự kiện chính trị lớn của tỉnh (thực hiện theo ý kiến chỉ đạo, thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

e) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước,

có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị (thời gian tính tổng giá trị đóng góp để xem xét, đề nghị khen thưởng là trong thời gian 01 năm tính đến thời điểm cơ quan, đơn vị, địa phương ký ban hành tờ trình đề nghị khen thưởng), cụ thể:

Gia đình thuộc các xã miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, bãi ngang, hải đảo có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

Gia đình thuộc các xã vùng trung du, đồng bằng, thị trấn thuộc huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Nông Sơn, Hiệp Đức, Phú Ninh có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

Gia đình không thuộc điểm a, b nêu trên có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.

f) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh) tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước hằng năm trên địa bàn tỉnh.

g) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân là gương điển hình tiên tiến lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh. Trong cùng một thành tích đạt được, cá nhân là gương điển hình tiên tiến chỉ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng 01 Bằng khen (các cơ quan, đơn vị, địa phương không được đề nghị khen thưởng trùng lặp), trừ trường hợp tiếp tục lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc sau khi đã được khen thưởng.

h) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo có nhiều đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

i) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh có thành tích xuất sắc trong công tác khi kết thúc nhiệm kỳ.

4. Các hình thức khen thưởng cấp nhà nước

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ.

Chương III

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ, HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 9. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; nhiệm vụ, quyền

hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo Điều 63, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

b) Thành phần hội đồng gồm: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Đối với cấp huyện, lãnh đạo Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực; các Phó Chủ tịch còn lại và thành viên do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật; có nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu, giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phong trào thi đua theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 10. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (trừ Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

2. Thường trực Tỉnh ủy

Xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên cho cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (trừ các hình thức khen thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập

thể lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Huy hiệu tỉnh Quảng Nam, Bằng công nhận. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tế, nhằm động viên, ghi nhận các tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc hoặc có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tặng Thư khen, Thư cảm ơn.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, hình thức khen thưởng kháng chiến thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước.

4. Sở Nội vụ

a) Thẩm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp đề nghị khen thưởng: “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; “Tập thể lao động xuất sắc”; Huy hiệu tỉnh Quảng Nam; Bằng công nhận; Thư khen; Thư cảm ơn; danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Huân chương, Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích kháng chiến.

b) Thẩm tra hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét các trường hợp đề nghị khen thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Huân chương các loại, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, các trường hợp đề nghị hiệp y khen thưởng cấp Nhà nước; trong đó, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” giao cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có văn bản gửi xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bằng phiếu đề tổng hợp.

Đối với các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của các địa phương khi đề nghị khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên: Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm tra hồ sơ trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Quảng Nam và Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam trong thời gian 10 ngày làm việc trước khi tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương (trừ khen thưởng đột xuất, Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ và Huân chương kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp) và danh hiệu vinh dự Nhà nước (trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”).

5. Ban Thường vụ Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy)

Xét, cho ý kiến trước khi trình khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với các trường hợp sau:

a) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể là nhân dân và cán bộ cấp huyện và các tập thể do cấp huyện quản lý (trừ Cờ thi đua của Chính phủ).

b) Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh cho các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy) quản lý.

6. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và tương đương quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng thưởng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng thưởng Giấy khen; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Thôn, khu phố, khối phố văn hoá” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng thưởng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Gia đình văn hoá” và đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

10. Người đứng đầu các tổ chức hội quần chúng cấp tỉnh quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và đề nghị cấp trên khen thưởng.

11. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị của mình. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền trước khi Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 11. Thẩm quyền công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến,

Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp tỉnh thì xét, đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Quy định về tuyển trình

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Việc khen thưởng đại biểu Hội đồng nhân dân và tập thể, cá nhân thuộc Hội đồng nhân dân các cấp.

a) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể các Ban và các cá nhân thuộc các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; các đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tỉnh.

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể các Ban và các cá nhân thuộc các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện chuyên trách.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã xét, khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp xã.

d) Các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kiêm nhiệm thì do cơ quan, đơn vị quản lý xét, trình khen thưởng.

3. Các trường hợp tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng là chính hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp to lớn mới đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Sở, Ban, ngành nào được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo đợt, chuyên đề thì Sở, ban, ngành đó chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo đợt, chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh và phải được thông qua Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó. Các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện quản lý phải có văn bản thống nhất đề nghị khen thưởng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi đề nghị khen thưởng.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất trên các lĩnh vực, gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt tập thể, cá nhân đó trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

6. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể

Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Liên đoàn Lao động tỉnh

Khen thưởng và đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng, trình cấp trên khen thưởng đối với: Liên đoàn Lao động cấp huyện; Công đoàn ngành, Công đoàn viên chức, Công đoàn các khu công nghiệp; Công đoàn đơn vị trực thuộc; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

8. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo

a) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sở Nội vụ xin ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo; xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

9. Khen thưởng Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh

Tòa án nhân dân tỉnh xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

10. Đối với các tổ chức kinh tế

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức cụm, khối thi đua đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho doanh nghiệp, hợp tác xã dẫn đầu cụm, khối thi đua.

b) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (trừ “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”), thống nhất thực hiện việc khen thưởng và trình khen thưởng như sau:

Đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý: Giao cho các Sở, Ban, ngành tỉnh quản lý chuyên ngành khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Đối với các doanh nghiệp do Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Quảng Nam quản lý: giao Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Quảng Nam xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các tổ chức kinh tế (do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) có trụ sở đóng trên địa bàn cấp huyện (trừ các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty, Tập đoàn kinh tế do Trung ương quản lý; doanh nghiệp nhà nước, doanh

nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý; doanh nghiệp do Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu Công nghiệp tỉnh Quảng Nam quản lý).

Đối với Quỹ tín dụng nhân dân: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

11. Đối với công nhân và nông dân

a) Đối với công nhân

Công nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” trên địa bàn tỉnh do Liên đoàn Lao động tỉnh tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

Công nhân thuộc các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Quy chế này, tuyển trình khen thưởng thực hiện như quy định tại Khoản 8, Điều này.

b) Đối với nông dân

Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” trên địa bàn tỉnh do Hội Nông dân tỉnh tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Quy chế này do Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 13. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các cơ quan Trung ương và người đứng đầu các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh khi có văn bản đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Ủy quyền cho cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (Cờ thi đua, Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

2. Sở Nội vụ

Lấy ý kiến hiệp y đề nghị khen thưởng của các Sở, Ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các đơn vị có liên quan đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên, cụ thể như sau:

a) Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và Thủ trưởng của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, các tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài và một số trường hợp có liên quan khác nếu cần thiết.

c) Khi có văn bản gửi đến để lấy ý kiến hiệp y, sau 03 ngày làm việc đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, sau 05 ngày làm việc đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận văn bản) cơ quan được lấy ý kiến hiệp y có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Quá thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời, Sở Nội vụ tiến hành các thủ tục trình khen thưởng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 14. Thời gian xét khen thưởng và trình khen thưởng

1. Thời gian xét khen thưởng hằng năm (trừ khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất, đối ngoại, đóng góp và khen thưởng quá trình cống hiến) được thực hiện khi kết thúc năm công tác (năm hành chính). Riêng đối với ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc xét tặng khi kết thúc năm học.

2. Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hằng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam) trước ngày 30/3 năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/8 hằng năm. Quá thời gian trên không tiếp nhận và trả về cơ quan, đơn vị, địa phương (trừ trường hợp đặc biệt có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng đột, chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 03 ngày làm việc.

Riêng đối với hồ sơ đề nghị “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trực tiếp tổ chức, khen thưởng đối ngoại, đột xuất không thực hiện việc tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam, giao Sở Nội vụ tiếp nhận.

3. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hằng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 30/3 năm sau; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/8.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 16. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp được khen thưởng phải được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp gồm tập thể, cá nhân được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận tập thể trước sau đó đến cá nhân chung một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương, ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng, gồm: Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”; “Anh hùng lao động”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Cờ thi đua của Chính phủ”; Huân chương các loại và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và các hình thức khen thưởng thành tích kháng chiến); “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức tại Lễ tuyên dương, khen thưởng hoặc hội nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức; việc công bố quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng giao Sở Nội vụ thực hiện; trường hợp không tổ chức trao thưởng được ở cấp tỉnh, giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng tổ chức trao thưởng đảm bảo theo quy định.

Các đối tượng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ. Việc công bố quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng do cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện (trường hợp đặc biệt thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Chương IV QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 17. Nguồn và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, của cấp huyện, cấp xã, của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh

Hàng năm, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành với mức tối đa bằng 1,0% chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng cấp huyện

Hàng năm, Phòng Nội vụ cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách cấp huyện. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1,0% (riêng đối với các huyện miền núi mức trích tối đa 1,5%) chi thường xuyên ngân sách của cấp mình.

Căn cứ tình hình thi đua, công tác khen thưởng năm trước và dự kiến kế hoạch, Phòng Nội vụ cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

3. Quỹ thi đua khen thưởng của Sở, ban, ngành tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài. Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5, 6, 7, Điều 65, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 18. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quản lý và sử dụng.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm theo các quyết định khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng).

b) Chi: In giấy công nhận, chứng nhận, giấy khen, bằng khen; làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng; nhận, vận chuyển hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, gồm:

Chi tổ chức các hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong chương trình đã đề ra.

Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; chi công tác tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Chi phát động các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng theo cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng do cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

3. Thủ trưởng cơ quan các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cho các tập thể, cá nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng; các cá nhân thuộc tỉnh quản lý (do Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị) được phong tặng danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú); Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khen thưởng tập thể có thành tích xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức; khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đột xuất) chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Tiền thưởng kèm theo danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khen thưởng thường xuyên, hằng năm) do cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng thực hiện chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do cơ quan chuyên môn cấp trên ở Trung ương khen thưởng nhưng không thực hiện việc chi tiền thưởng thì: Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội quần chúng nào ở cấp tỉnh đề nghị khen thưởng thì chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng do mình quản lý.

4. Khen thưởng đối ngoại; khen thưởng thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp, ủng hộ các quỹ, hoạt động xã hội dưới hình

thức tự nguyện; khen thưởng các tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm.

5. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án đó.

Điều 19. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và 74, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ. Mức tiền thưởng cho gia đình (hộ gia đình) bằng mức tiền thưởng đối với cá nhân.

3. Mức tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm thực hiện theo quy định, trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ TRONG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; HỦY BỎ, TƯỚC HOẶC PHỤC HỒI DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 75, 76 và 77, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 21. Hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước hoặc phục hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước hoặc phục hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 78 và 79, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 22. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Quy chế này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định hình thức động viên phù hợp (trường hợp cần thiết) đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật Thi đua, khen thưởng quy định và đảm bảo với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát

Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy chế./.